

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
(đã được soát xét)

M S C

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06 - 42
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 42



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà, là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28/12/2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109674 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/03/2005 và thay đổi lần thứ 19 ngày 03/03/2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thuý Huyền	Chủ tịch	
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên	
Ông Lê Vinh Việt	Phó Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 12/05/2022)
Ông Phạm Tiến Đạt	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 12/05/2022)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Thanh Bình	Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 15/02/2022)
Ông Lê Vinh Việt	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 15/02/2022)
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/08/2022)
Ông Phạm Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 05/05/2022)
Ông Cao Tiến Lam Giang	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 20/03/2022)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Trưởng ban	(Bỏ nhiệm ngày 12/05/2022)
Bà Trương Mỹ Hạnh	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 12/05/2022)
Ông Đỗ Quang Thuận	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 12/05/2022)
Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 13/07/2022)
Bà Phạm Thị Hải Yến	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 12/05/2022)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh Bình

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam được lập ngày 16/08/2022, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Tại thuyết minh số 11 - "Chi phí trả trước dài hạn" Công ty đang theo dõi "Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN" với số tiền là 32.511.250.000 VND. Đây là phần giá trị còn lại của giao dịch Công ty mua lại 20% vốn góp của ông Nguyễn Tất Lạc tại Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group (nay là Công ty TNHH Huatangnai Mining Group) từ năm 2010 với giá trị là 77.022.500.000 VND. Công ty đã xác định tổn thất và ghi nhận vào các Báo cáo tài chính từ năm 2016 trở về trước với số tiền lũy kế là 44.511.250.000 VND. Chúng tôi không có đủ các tài liệu thích hợp để có thể đánh giá xem phần giá trị còn lại này đã tổn thất hết hay chưa và ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty.

Chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi đối với khoản tiền 11.347.160.000 VND mà Công ty đã đặt cọc cho Công ty TNHH Phong Thịnh liên quan đến hợp đồng Dây chuyền tuyển nổi quặng đồng số 09/2010 ngày 08/09/2010 và các phụ lục có liên quan (Thuyết minh số 8(2)). Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục Dự phòng phải thu khó đòi và các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty hay không.

Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào đồng thời chưa xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty này trị giá 4.200.500.000 VND. Chúng tôi không có đủ các tài liệu cần thiết để có thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đính kèm.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2022. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nào về các Báo cáo tài chính này.

Vấn đề khác

Báo cáo soát xét hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến và từ chối đưa ra kết luận đối với các Báo cáo tài chính này tại ngày 27/08/2021 và ngày 14/03/2022

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		243.106.519.085	516.154.134.650
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	20.088.279.900	60.361.324.535
111	1. Tiền		1.223.234.249	19.591.745.529
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.865.045.651	40.769.579.006
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		36.909.573.593	149.276.639.852
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	5.915.807.501	78.746.882.985
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.170.271.674	18.428.139.036
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	56.500.000.000	89.800.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	21.349.050.318	23.327.173.731
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(61.025.555.900)	(61.025.555.900)
140	III. Hàng tồn kho	10	184.363.251.224	291.505.178.801
141	1. Hàng tồn kho		184.363.251.224	291.505.178.801
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.745.414.368	15.010.991.462
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		1.555.736.821	14.776.401.245
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	189.677.547	234.590.217

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		232.241.958.193	180.218.926.013
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	-	390.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	(390.000.000)
220	II. Tài sản cố định		618.322.200	6.673.780.082
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	618.322.200	6.673.780.082
222	- Nguyên giá		6.177.415.112	23.332.833.468
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.559.092.912)	(16.659.053.386)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	6.589.229.708	13.409.757.040
231	- Nguyên giá		6.765.951.708	15.030.441.366
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(176.722.000)	(1.620.684.326)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	14	4.361.588.849	103.547.016.268
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.361.588.849	103.547.016.268
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	187.897.219.517	16.843.306.441
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		181.696.719.517	10.642.806.441
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.200.500.000	6.200.500.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		32.775.597.919	39.745.066.182
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	32.775.597.919	38.788.619.109
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	32	-	956.447.073
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		475.348.477.278	696.373.060.663


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

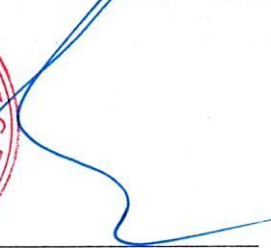
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		243.690.736.981	348.734.339.703
310	I. Nợ ngắn hạn		241.678.236.981	346.486.839.703
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	61.365.394.030	87.617.581.714
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	176.304.613.009	178.036.251.017
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	-	980.560.685
314	4. Phải trả người lao động		170.357.615	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	34.411.999.807
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.577.255.342	13.758.887.840
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	-	30.782.659.955
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		260.616.985	898.898.685
330	II. Nợ dài hạn		2.012.500.000	2.247.500.000
331	1. Phải trả người bán dài hạn	15	2.012.500.000	2.012.500.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	-	35.000.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	-	200.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		231.657.740.297	347.638.720.960
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	231.657.740.297	347.638.720.960
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		59.696.774.500	59.696.774.500
415	3. Cổ phiếu quỹ		(21.118.002.077)	(21.118.002.077)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		23.944.698.303	23.944.698.303
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.232.251.900	4.232.251.900
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(38.260.987.643)	(33.386.941.280)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		(33.386.941.280)	(31.009.195.257)
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		(4.874.046.363)	(2.377.746.023)
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		3.163.005.314	114.269.939.614
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		475.348.477.278	696.373.060.663


Nguyễn Thị Hoa Vinh
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hoa Vinh
Phụ trách kế toán




Trần Thị Thanh Bình
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	19.165.655.278	74.393.934.884
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.165.655.278	74.393.934.884
11	3. Giá vốn hàng bán	24	11.634.782.573	61.439.468.659
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.530.872.705	12.954.466.225
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	25	2.727.097.418	229.275.327
22	6. Chi phí tài chính	26	10.734.439.732	566.612.516
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		318.425.721	566.612.516
25	7. Chi phí bán hàng	27	759.154.003	1.729.283.480
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	5.904.694.258	5.642.086.104
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.140.317.870)	5.245.759.452
31	10. Thu nhập khác	29	9.047.611.186	205.868.166
32	11. Chi phí khác	30	4.968.191.088	37.809.107
40	12. Lợi nhuận khác		4.079.420.098	168.059.059
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(3.060.897.772)	5.413.818.511
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	350.842.415	1.092.754.192
52	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32	956.447.073	(203.878.667)
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.368.187.260)	4.524.942.986
61	17. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(4.874.046.363)	2.950.244.671
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		505.859.103	1.574.698.315
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33		163


Nguyễn Thị Hoa Vinh
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hoa Vinh
Phụ trách kế toán




Trần Thị Thanh Bình
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2022	năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(3.060.897.772)	5.413.818.511
	2. Điều chỉnh cho các khoản		8.650.263.823	2.343.685.753
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		910.429.094	2.006.348.564
03	- Các khoản dự phòng		-	(229.275.327)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		7.421.409.008	-
06	- Chi phí lãi vay		318.425.721	566.612.516
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.589.366.051	7.757.504.264
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(167.384.861.313)	16.631.529.040
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.850.046.835	(17.604.865.648)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		45.192.193.838	(26.722.455.245)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.923.612.513	(91.127.117)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(318.425.721)	(1.284.833.516)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.543.709.904)	(1.906.611.242)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.742.948.035)	(70.270.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(114.434.725.736)	(23.291.129.463)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(18.756.788)	(155.589.093)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.823.000.000	1.852.297.909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(197.700.000.000)	(6.800.000.000)
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(148.800.000.000)	-
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (i)		(13.886.999.574)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.727.097.418	230.548.960
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(354.855.658.944)	(4.872.742.224)

(i) Chỉ tiêu này âm do trong kỳ phát sinh tiền thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí với giá trị là 15.708.308.000 VND (xem thuyết minh 04, 26) trừ đi số dư tiền trên của Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí với giá trị là 29.595.307.574 VND.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		460.000.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		400.000.000	24.004.572.264
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(31.382.659.955)	(42.536.145.210)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>429.017.340.045</i>	<i>(18.531.572.946)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(40.273.044.635)	(46.695.444.633)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		60.361.324.535	119.455.125.617
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	20.088.279.900	72.759.680.984

Nguyễn Thị Hoa Vinh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa Vinh
Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà, là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28/12/2004 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109674 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/03/2005 và thay đổi lần thứ 19 ngày 03/03/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 23 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 53 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng các Công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương);
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 100KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản
- Các hoạt động khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Theo công văn số 1028/TB-SGDHN ngày 09/08/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo về việc hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (MCK: PHH) thì Cổ phiếu đang lưu hành của công ty với số lượng 20.000.000 cổ phiếu với giá trị 200.000.000.000 VND chỉ được giao dịch vào phiên thứ sáu hàng tuần (Trong đó: số lượng cổ phiếu lưu hành 18.100.000 cổ phiếu, cổ phiếu quỹ là 1.900.000 cổ phiếu). Đến thời điểm 30/06/2022, cổ phiếu Công ty vẫn bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM.

Trong kỳ Công ty không còn doanh thu về hoạt động xây lắp như năm trước mà chỉ còn phát sinh doanh thu dịch vụ, ngoài ra Công ty đã chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí cho các cổ đông khác do đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; giá vốn hàng bán kỳ này giảm mạnh và doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh so với cùng kỳ. Công ty đang chuyển hướng sang cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, dịch vụ vận hành tại các toà nhà để tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

Đến thời điểm 30/06/2022, cổ phiếu Công ty vẫn bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCOM.

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

Cấu trúc tập đoàn

Tổng công ty có 01 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2022 bao gồm:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	Hà Nội	75,50%	75,50%	Xây lắp

Theo Nghị quyết số 03/2022/NQ - ĐHĐCĐ thường niên ngày 06/04/2022, Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí đã tăng vốn chủ sở hữu từ 246 tỷ VND lên 706 tỷ VND bằng hình thức chào bán cho các cổ đông hiện hữu. Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam đã nhượng quyền mua cổ phần tại công ty con này cho các cá nhân khác với giá chuyển nhượng 15.708.308.000 VND (Xem thuyết minh 04, 26). Tại ngày 30/06/2022 tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí là 22,25% và được xác định là công ty liên kết.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị khác	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05 năm

2.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	45 năm
--------------------------	--------

2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Khoản tổn thất do khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN giữa Công ty và ông Nguyễn Tất Lạc chờ phân bổ.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp sau đây:

- a) Công ty phải bán ra ngay sau khi mua lại đối với các cổ phiếu sau:
 - Cổ phiếu mua lại để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ;
 - Cổ phiếu lẻ mua lại theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
 - Cổ phiếu lô lẻ mua lại theo yêu cầu của cổ đông.
- b) Công ty không được mua lại cổ phiếu quỹ của chính mình cho đến khi hoàn thành việc xử lý cổ phiếu quỹ đã mua từ trước thời điểm Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01/01/2021. Cổ phiếu quỹ Công ty đã mua trước đây được bán hoặc dùng cổ phiếu quỹ làm cổ phiếu thưởng theo quy định tại Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản quy định chi tiết thi hành các văn bản trên.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

2.18. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng: Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động phát sinh thu nhập tính thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

2.22. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.23. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	854.896.088	13.322.018.932
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	368.338.161	6.269.726.597
Các khoản tương đương tiền (i)	18.865.045.651	40.769.579.006
	<u><u>20.088.279.900</u></u>	<u><u>60.361.324.535</u></u>

(i) Tại ngày 30/06/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng có giá trị 18.865.045.651 VND được gửi tại các Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội với lãi suất từ 3%/năm đến 3,3%/năm.

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Địa chỉ: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Địa chỉ	30/06/2022			01/01/2022		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
- Công ty Cổ phần Sóng Đáy Hồng Hà Dầu Khí	33,53%	33,53%	10.642.806.441	33,53%	33,53%	10.642.806.441
- Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí ⁽¹⁾	22,25%	22,25%	171.053.913.076			
			181.696.719.517			10.642.806.441

Đầu tư vào Công ty liên kết

- Công ty Cổ phần Sóng Đáy Hồng Hà Dầu Khí
- Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí ⁽¹⁾

(i) Theo Nghị quyết số 03/2022/NQ - ĐHCĐ thường niên ngày 06/04/2022, Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí đã tăng vốn chủ sở hữu từ 246 tỷ VND lên 706 tỷ VND bằng hình thức chào bán cho các cổ đông hiện hữu. Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam đã nhượng quyền mua cổ phần tại công ty con này cho các cá nhân khác với giá chuyển nhượng 15.708.308.000 VND (Xem thuyết minh 26). Tại ngày 30/06/2022 tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí là 22,25% và được xác định là công ty liên kết.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	4.200.500.000	-	4.200.500.000	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Quảng Ninh	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
	6.200.500.000		6.200.500.000	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các công ty đầu tư dài hạn khác của Công ty vào ngày 30/06/2022 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	Nghệ An	19,05%	19,05%	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Quảng Ninh	Quảng Ninh	19,96%	19,96%	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo nội dung có số dư lớn				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Constrexim	-	-	38.820.296.160	-
Công ty CP Hancorp	-	-	9.642.718.584	-
Công ty CP Constrexim Bắc Hà	903.978.486	-	825.365.260	-
Phải thu các hộ dân toà nhà CT11	-	-	23.511.576.450	-
Phải thu các hộ dân toà nhà CT13	-	-	44.266.325	-
Các đối tượng khác	5.011.829.015	-	5.902.660.206	-
	5.915.807.501	-	78.746.882.985	-

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP Hancorp	1.780.746.126	-	5.091.919.840	-
Công ty CP Aluking quốc tế	4.565.601.794	-	4.565.601.794	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Trung Tín	1.342.228.458	-	996.228.458	-
Các đối tượng khác	6.481.695.296	-	7.774.388.944	-
	14.170.271.674	-	18.428.139.036	-
b) Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	1.146.368.729	-	1.312.323.181	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào ⁽¹⁾	55.000.000.000	(55.000.000.000)	55.000.000.000	(55.000.000.000)
Ông Hà Anh Quang ⁽²⁾	1.500.000.000	-	15.000.000.000	-
Ông Nguyễn Việt Cường	-	-	6.800.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Minh	-	-	13.000.000.000	-
	56.500.000.000	(55.000.000.000)	89.800.000.000	(55.000.000.000)

⁽¹⁾ Là khoản cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào vay theo Hợp đồng vay vốn số 01/2009/VL-HHDK với thời hạn vay từ ngày 31/01/2010 đến ngày 31/01/2012.

⁽²⁾ Là khoản cho ông Hà Anh Quang vay theo Hợp đồng cho vay số 26042022/HDCVT ngày 26/04/2022 với thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 26/04/2022, và phụ lục số 01 ngày 26/05/2022 với thời hạn vay là 05 tháng.

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về tiền tạm ứng	8.050.000	-	36.773.200	-
Dự thu lãi cho vay Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	6.025.555.900	(6.025.555.900)	6.025.555.900	(6.025.555.900)
Phải thu khác	15.315.444.418	-	17.264.844.631	-
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ⁽¹⁾	3.436.929.990	-	3.436.929.990	-
- Công ty TNHH Phong Thịnh ⁽²⁾	11.347.160.000	-	11.347.160.000	-
- Các đối tượng khác	531.354.428	-	2.480.754.641	-
	21.349.050.318	(6.025.555.900)	23.327.173.731	(6.025.555.900)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	-	-	390.000.000	(390.000.000)
	-	-	390.000.000	(390.000.000)

⁽¹⁾ Là phần lợi nhuận cố định phải chia theo hợp đồng của Dự án Nguyễn An Ninh - Vũng Tàu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 122/2009/BCC-PVCHH ngày 02/06/2009 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

⁽²⁾ Là khoản đặt cọc giá trị hợp đồng Dây chuyền tuyển nổi quặng đồng cho Công ty TNHH Phong Thịnh số 09/2010 ngày 08/09/2010 và Phụ lục hợp đồng ngày 22/02/2011, Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 22/03/2011 chưa được thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng.

9. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	61.025.555.900	-	61.025.555.900	-
Các đối tượng khác	-	-	390.000.000	-
	61.025.555.900	-	61.415.555.900	-

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	221.727.226	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	184.363.251.224	-	257.906.596.067	-
Hàng hoá	-	-	33.376.855.508	-
	184.363.251.224	-	291.505.178.801	-

Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bệnh viện Việt Đức	180.388.699.885	-	176.769.817.646	-
Thi công Bê bơi CT11 CT12	1.565.212.535	-	1.564.711.327	-
Các công trình khác	2.409.338.804	-	79.572.067.094	-
	184.363.251.224	-	257.906.596.067	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	257.209.284	4.102.091.511
Khoản thanh toán theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN (*)	32.511.250.000	32.511.250.000
Các khoản khác	7.138.635	2.175.277.598
	32.775.597.919	38.788.619.109

(*) Đây là phần còn lại của khoản thanh toán 77.025.500.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 01/HĐCN ngày 23/06/2010 giữa Công ty CP Hồng Hà Dầu khí (nay là Công ty CP Hồng Hà Việt Nam) và ông Nguyễn Tất Lạc để mua lại 20% vốn góp của ông Nguyễn Tất Lạc tại Công ty TNHH Chackkaphanh Mining Group (nay là Công ty TNHH Huatangnai Mining Group).

Theo biên bản số 10/2015/BB - HĐQT ngày 25/12/2015 của Hội đồng quản trị Công ty CP Hồng Hà Việt Nam thì số tiền này được đánh giá là một khoản tổn thất. Vì vậy, Công ty đã phân bổ một phần khoản tổn thất này vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2015 và 2016 với số tiền lũy kế là 44.511.250.000 VND. Từ năm 2017 đến nay, Công ty đã dùng phân bổ khoản tổn thất này.

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Địa chỉ: Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	13.406.330.148	81.818.182	9.004.600.935	840.084.203	23.332.833.468
- Thanh lý, nhượng bán	(9.852.924.557)	-	(885.406.571)	(42.727.273)	(10.781.058.401)
- Giảm do công ty con thay đổi vốn góp	(3.553.405.591)	(81.818.182)	(2.667.576.182)	(71.560.000)	(6.374.359.955)
Số dư cuối kỳ	-	-	5.451.618.182	725.796.930	6.177.415.112
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.661.324.546	81.818.182	8.135.730.455	780.180.203	16.659.053.386
- Khấu hao trong kỳ	524.458.986	-	183.219.608	10.566.000	718.244.594
- Thanh lý, nhượng bán	(7.297.432.142)	-	(885.406.571)	(42.727.273)	(8.225.565.986)
- Giảm do công ty con thay đổi vốn góp	(888.351.390)	(81.818.182)	(2.550.909.510)	(71.560.000)	(3.592.639.082)
Số dư cuối kỳ	-	-	4.882.633.982	676.458.930	5.559.092.912
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	5.745.005.602	-	868.870.480	59.904.000	6.673.780.082
Tại ngày cuối kỳ	-	-	568.984.200	49.338.000	618.322.200

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.440.537.112 VND.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà và Căn hộ VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	15.030.441.366	15.030.441.366
- Giảm do công ty con thay đổi vốn góp	(8.264.489.658)	(8.264.489.658)
Số dư cuối kỳ	6.765.951.708	6.765.951.708
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.620.684.326	1.620.684.326
- Khấu hao trong kỳ	192.184.500	192.184.500
- Giảm do công ty con thay đổi vốn góp	(1.636.146.826)	(1.636.146.826)
Số dư cuối kỳ	176.722.000	176.722.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	13.409.757.040	13.409.757.040
Tại ngày cuối kỳ	6.589.229.708	6.589.229.708

Bất động sản đầu tư của Công ty là 3 căn hộ phòng 1601,1610 và 1702 tại Chung cư CT13, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, có diện tích lần lượt là 109,99 m², 76,97 m² và 101,14 m². Nguyên giá lần lượt là 2.374.883.292 VND, 2.036.182.523 VND và 2.354.885.893 VND. Giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2022 lần lượt là 62.034.000 VND, 53.186.000 VND và 61.502.000 VND, giá trị còn lại tại 30/06/2022 lần lượt là 2.312.849.292 VND, 1.982.996.523 VND và 2.293.383.893 VND

Trong 6 tháng đầu năm, doanh thu phát sinh từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư là 128.071.977 VND (trong đó căn hộ 1601 là 43.636.362 VND, căn hộ 1610 là 38.764.411 VND và căn hộ 1702 là 45.671.204 VND).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá trị của các tài sản này. Ban giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Xây dựng cơ bản	4.361.588.849	103.547.016.268
- Dự án Cao ốc Văn phòng 407 Nguyễn An Ninh (i)	4.361.588.849	4.356.548.561
- Dự án Khu đô thị mới Tứ Hiệp	-	99.190.467.707
	4.361.588.849	103.547.016.268

(i) Dự án: Cao ốc văn phòng 407 Nguyễn An Ninh - Phường 9 - Thành phố Vũng Tàu

- Chủ đầu tư: Công ty CP Hồng Hà Việt Nam;
- Địa điểm xây dựng: 407 Nguyễn An Ninh - Phường 9 - Thành phố Vũng Tàu
- Mục đích xây dựng: Xây dựng 01 khối chung cư cao 15 tầng;
- Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án: 61 tỷ đồng;
- Tiến độ thực hiện dự án tại ngày 30/06/2022: Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, hiện đang tạm dừng để xin cấp phép thay đổi mục đích sử dụng đất.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	8.893.211.949	8.893.211.949	8.893.211.949	8.893.211.949
Công ty TNHH Kiến trúc Apic	6.258.650.229	6.258.650.229	6.258.650.229	6.258.650.229
Công ty CP Constrexim Bắc Hà	-	-	10.072.379.810	10.072.379.810
Công ty CP Đầu tư Xây dựng phát triển nhà Vạn Xuân	-	-	9.863.565.778	9.863.565.778
Các đối tượng khác	46.213.531.852	46.213.531.852	52.529.773.948	52.529.773.948
	61.365.394.030	61.365.394.030	87.617.581.714	87.617.581.714
b) Dài hạn				
Ông Lưu Hoàng Long	2.012.500.000	2.012.500.000	2.012.500.000	2.012.500.000
	2.012.500.000	2.012.500.000	2.012.500.000	2.012.500.000
c) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	444.787.083	444.787.083	-	-

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Bệnh viện Việt Đức (i)	174.245.119.000	174.245.119.000
Các đối tượng khác	2.059.494.009	3.791.132.017
	176.304.613.009	178.036.251.017
b) Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)	2.000.000.000	-

(i) Khoản trả trước theo Hợp đồng số 200/2015/HĐ-XDVB-01 ngày 24/02/2015. (Xem thêm Thuyết minh 10)

Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam

Địa chỉ: Nhà Điều hành, Khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Do Công ty con thay đổi vốn góp	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND		VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	139.440.000	-	1.434.144.020	1.434.144.020	-	139.440.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.422.413	904.942.395	350.842.415	1.543.709.904	287.925.094	13.422.413	-
Thuế thu nhập cá nhân	81.727.804	75.618.290	180.865.552	143.443.169	(68.128.003)	36.815.134	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	313.760.690	313.760.690	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	10.689.676	10.689.676	-	-	-
	234.590.217	980.560.685	2.290.302.353	3.445.747.459	219.797.091	189.677.547	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	811.060.768	778.354.768
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	192.222.283	29.000.000
Cổ tức lợi nhuận phải trả	671.181.000	671.181.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.902.791.291	12.280.352.072
- Chi phí lãi vay	147.269.000	252.921.000
- Tiền bán xe ô tô	1.000.000.000	-
- Phí bảo trì chung cư 2%	-	10.309.722.770
- Các đối tượng khác	755.522.291	1.717.708.302
	3.577.255.342	13.758.887.840
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	35.000.000
	-	35.000.000

M.S.D.N



19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	30.782.659.955	30.782.659.955	400.000.000	31.182.659.955	-	-
	30.782.659.955	30.782.659.955	400.000.000	31.182.659.955		
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn	200.000.000	200.000.000	-	200.000.000	-	-
	200.000.000	200.000.000		200.000.000		
	200.000.000	200.000.000		200.000.000		
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						
	200.000.000	200.000.000				

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và cá nhân của Công ty như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	Ngày báo	01/01/2022
							VND
VND	Thả nổi	6 tháng	2022	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp		30.782.659.955
VND	Thả nổi	12 tháng	2022	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp		27.282.659.955
							3.500.000.000
							30.782.659.955

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	30/06/2022	01/01/2022	
VND	0,00%	2 năm	2022	Bổ sung vốn kinh doanh	Tin chấp	VND	VND	
Ông Phạm Tiến Đạt						-	200.000.000	
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng							-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng							-	200.000.000

Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan:

Mối quan hệ	30/06/2022		01/01/2022	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Vay				
- Ông Phạm Tiến Đạt	-	-	200.000.000	-
- Ông Lê Vinh Việt	-	58.694.000	-	58.694.000
- Bà Trần Thị Thanh Bình	-	3.376.000	-	-
	-	62.070.000	200.000.000	58.694.000

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.944.698.303	4.232.251.900	(30.498.355.972)	111.691.582.900	347.948.949.554
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	2.950.244.671	1.574.698.315	4.524.942.986
Số dư cuối kỳ trước	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.944.698.303	4.232.251.900	(27.548.111.301)	113.266.281.215	352.473.892.540
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.944.698.303	4.232.251.900	(33.386.941.280)	114.269.939.614	347.638.720.960
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	(4.874.046.363)	505.859.103	(4.368.187.260)
Do công ty con thay đổi vốn góp	-	-	-	-	-	-	(111.612.793.403)	(111.612.793.403)
Số dư cuối kỳ này	200.000.000.000	59.696.774.500	(21.118.002.077)	23.944.698.303	4.232.251.900	(38.260.987.643)	3.163.005.314	231.657.740.297

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Constrexim (CIC)	-	0,00%	37.300.000.000	18,65%
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	35.756.000.000	17,88%	35.756.000.000	17,88%
Ông Nguyễn Tuấn Anh	28.711.600.000	14,36%	-	0,00%
Bà Trương Mỹ Hạnh	25.114.960.000	12,56%	2.011.496.000	1,01%
Bà Nguyễn Thị Thúy Huyền	24.867.700.000	12,43%	2.296.770.000	1,15%
Vốn góp tương đương cổ phiếu quỹ	1.900.000.000	0,95%	1.900.000.000	0,95%
Các cổ đông khác	83.649.740.000	41,82%	120.735.734.000	79,02%
Cộng	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	671.181.000	671.181.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	671.181.000	671.181.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.900.000	1.900.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.900.000	1.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.100.000	18.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.100.000	18.100.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

e) Các quỹ của Tổng công ty

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	23.944.698.303	23.944.698.303
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.232.251.900	4.232.251.900
	28.176.950.203	28.176.950.203

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài:

Công ty thuê văn phòng tại địa chỉ Nhà Điều hành, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội để làm văn phòng theo Hợp đồng thuê văn phòng số 01A/2021/HĐ-THHHDK-HHVN ngày 02/01/2021 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 15/03/2022 với Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu. Theo hợp đồng nêu trên Công ty phải trả tiền thuê hàng kỳ là 52.000.000 VND/tháng.

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	(71.290.909)	38.279.206.424
Doanh thu dịch vụ cho thuê tài sản	6.660.031.861	8.156.158.209
Doanh thu chuyển nhượng BĐS	12.576.914.326	27.958.570.251
	19.165.655.278	74.393.934.884

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	-	36.422.519.441
Giá vốn dịch vụ cho thuê tài sản	7.492.098.626	6.404.828.285
Giá vốn chuyển nhượng BĐS	4.142.683.947	18.612.120.933
	11.634.782.573	61.439.468.659
Trong đó: Giá vốn đối với các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	150.946.537	154.705.919
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)		

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.627.097.418	149.275.327
Cổ tức, lợi nhuận được chia	100.000.000	80.000.000
	2.727.097.418	229.275.327

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	318.425.721	566.612.516
Chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí (i)	10.416.014.011	-
	10.734.439.732	566.612.516

(i) Trong đó:

Nội dung	Số tiền
	VND
Tiền thu từ thoái vốn	15.707.308.000
Lợi ích trong công ty con giảm đi	26.124.322.011
Lãi lỗ thoái vốn	(10.417.014.011)

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	290.043.360	378.653.660
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	222.322.078	613.680.349
Chi phí khác bằng tiền	246.788.565	736.949.471
	759.154.003	1.729.283.480

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.583.001.780	3.382.757.654
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	352.239.269	249.060.476
Chi phí khấu hao tài sản cố định	170.414.193	490.828.945
Thuế, phí và lệ phí	9.077.993	9.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.682.867.628	1.103.397.099
Chi phí khác bằng tiền	107.093.395	407.041.930
	5.904.694.258	5.642.086.104

29. THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	267.507.585	42.039.313
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ xây dựng, văn phòng	8.033.276.601	-
Thu nhập khác	746.827.000	163.828.853
	9.047.611.186	205.868.166

30. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ bị mất, thanh lý	4.487.470.777	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	228.341.856	-
Tiền phạt, chậm nộp thuế	-	35.599.739
Các khoản khác	252.378.455	2.209.368
	4.968.191.088	37.809.107

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại (các) Công ty con	350.842.415	1.092.754.192
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Hà Nội	-	1.680.000
- Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	350.842.415	1.091.074.192
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	350.842.415	1.092.754.192

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản	-	956.447.073
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	956.447.073

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	(203.878.667)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	956.447.073	-
	956.447.073	(203.878.667)

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(4.874.046.363)	2.950.244.671
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(4.874.046.363)	2.950.244.671
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	18.100.000	18.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(269)	163

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	115.376.546	33.759.112.985
Chi phí nhân công	10.045.575.681	10.652.934.086
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	111.644.081	143.854.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	682.087.238	2.006.348.564
Thuế, phí và lệ phí	9.077.993	9.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.735.135.778	7.714.148.472
Chi phí khác bằng tiền	5.267.901.032	5.243.687.777
	26.966.798.349	59.529.086.239

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.088.279.900	-	60.361.324.535	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.264.857.819	(6.025.555.900)	102.464.056.716	(6.415.555.900)
Các khoản cho vay	56.500.000.000	(55.000.000.000)	89.800.000.000	(55.000.000.000)
	103.853.137.719	(61.025.555.900)	252.625.381.251	(61.415.555.900)

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	30.982.659.955
Phải trả người bán, phải trả khác	66.955.149.372	103.423.969.554
Chi phí phải trả	-	34.411.999.807
	66.955.149.372	168.818.629.316

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền và các khoản trương đương tiền	20.088.279.900	-	-	20.088.279.900
Phải thu khách hàng, phải thu khác	21.239.301.919	-	-	21.239.301.919
Các khoản cho vay	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000
	42.827.581.819	-	-	42.827.581.819
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản trương đương tiền	60.361.324.535	-	-	60.361.324.535
Phải thu khách hàng, phải thu khác	96.048.500.816	-	-	96.048.500.816
Các khoản cho vay	34.800.000.000	-	-	34.800.000.000
	191.209.825.351	-	-	191.209.825.351

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	64.942.649.372	2.012.500.000	-	66.955.149.372
Chi phí phải trả	-	-	-	-
	64.942.649.372	2.012.500.000	-	66.955.149.372
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	30.782.659.955	200.000.000	-	30.982.659.955
Phải trả người bán, phải trả khác	101.376.469.554	2.047.500.000	-	103.423.969.554
Chi phí phải trả	34.411.999.807	-	-	34.411.999.807
	166.571.129.316	2.247.500.000	-	168.818.629.316

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động cho thuê tài sản	Hoạt động chuyển nhượng BĐS	Loại trừ	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	(71.290.909)	6.660.031.861	12.576.914.326		19.165.655.278
Giá vốn hàng bán	-	7.492.098.626	4.142.683.947		11.634.782.573
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(71.290.909)	(832.066.765)	8.434.230.379	-	7.530.872.705
Tài sản bộ phận	261.012.482.257	6.589.229.708	-	(12.661.704.204)	254.940.007.761
Tài sản không phân bổ			220.408.469.517		220.408.469.517
Tổng Tài sản	261.012.482.257	6.589.229.708	220.408.469.517	- 12.661.704.204	475.348.477.278
Nợ phải trả của các bộ phận	256.352.441.185	-	-	(12.661.704.204)	243.690.736.981
Nợ phải trả không phân bổ					-
Tổng nợ phải trả	256.352.441.185	-	-	(12.661.704.204)	243.690.736.981

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra ở miền Bắc do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	Công ty con đến ngày 30/06/2022, sau đó là Công ty liên kết
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	Công ty liên kết

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 19)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Mua hàng hóa dịch vụ	150.946.537	154.705.919
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	150.946.537	154.705.919

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.146.368.729	1.312.323.181
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu Khí	1.146.368.729	1.312.323.181
Phải trả cho người bán ngắn hạn	444.787.083	-
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	444.787.083	-
Người mua trả tiền trước	2.000.000.000	-
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	2.000.000.000	-

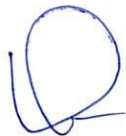
Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2022	năm 2021
		VND	VND
Bà Nguyễn Thị Thúy Huyền	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	10.000.000
Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch HĐQT miễn nhiệm ngày 28/04/2021	-	20.000.000
Ông Lê Vinh Việt	Phó Chủ tịch HĐQT miễn nhiệm ngày 12/05/2022 kiêm Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 15/02/2022	20.000.000	141.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 15/02/2022	70.500.000	10.000.000
Ông Hoàng Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 01/08/2022	84.225.000	242.000.000
Ông Phạm Tiến Đạt	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc	120.871.000	232.000.000
Ông Hán Công Khanh	Thành viên HĐQT miễn nhiệm ngày 28/04/2021	-	20.000.000
Ông Cao Tiến Lam Giang	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 20/03/2022	28.261.000	31.000.000
Ông Đỗ Quang Thuận	Trưởng ban kiểm soát miễn nhiệm ngày 12/05/2022	8.000.000	12.000.000
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Trưởng ban kiểm soát bổ nhiệm ngày 12/05/2022	4.000.000	-
Bà Phạm Thị Hải Yến	Thành viên BKS miễn nhiệm ngày 12/05/2022	8.000.000	12.000.000
Bà Đỗ Thị Hạnh	Thành viên BKS	12.000.000	4.000.000
Bà Trương Mỹ Hạnh	Thành viên BKS bổ nhiệm ngày 12/05/2022	4.000.000	-

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam kiểm toán soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.



Nguyễn Thị Hoa Vinh
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoa Vinh
Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2022